

Bản án số: 12/2020/HNGĐ- ST

Ngày: 27/8/2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Sỹ Quyền

Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2020/TLST - HNGĐ ngày 06/5/2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 16/2020/QĐST- HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐST-DS ngày 5 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị G - sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Ph, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Trần Văn Nh - sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Ph, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện đang chấp hành án tại phân trại số 4, Trại giam Thanh Phong, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị G trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G và anh Trần Văn Nh kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 25/2/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Từ năm 2016 đến nay vợ chồng sống ly thân, không

còn sự quan tâm chăm sóc đến nhau. Đến tháng 10 năm 2019 anh Nh phạm tội “Cướp giật tài sản” và hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Phong, tỉnh Thanh Hóa. Nay chị G xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nh.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Văn H - sinh ngày 18/10/2004.

Chị G có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hùng và không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Tại biên bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án anh Trần Văn Nh trình bày:***

- Về hôn nhân: Anh Nh trình bày thống nhất với chị G về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, thời gian mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian sống ly thân và tình trạng không cải thiện được của tình cảm vợ chồng. Đến tháng 10 năm 2019, anh Nh phạm tội “Cướp giật tài sản” và hiện nay đang chấp hành án tại phân trại số 4, trại giam Thanh Phong, huyện Nông Cống, Thanh Hóa. Nay chị G làm đơn xin ly hôn, anh Nh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Văn H - sinh ngày 18/10/2004.

Nguyện vọng của anh Nh khi ly hôn là muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H và không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện anh đang đi chấp hành án nên anh có nguyện vọng giao cháu H cho ông bà nội trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản và vay nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ tại địa phương xác định: Chị Nguyễn Thị G và anh Trần Văn Nh kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 25/02/2004. Cuộc sống của anh chị có mâu thuẫn, tuy nhiên chị G và anh Nh không báo cáo với chính quyền địa phương. Năm 2019 anh Nh bị xét xử và kết án về tội “Cướp giật tài sản”. Nay chị G có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Đại diện VKS phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thiết lập hồ sơ vụ án Thẩm phán, HĐXX đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48,49 Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70,71,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 Điều 53; Điều 54; khoản 1,2 Điều 81; Điều 82; Điều 84, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị G và anh Trần Văn Nh.

Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Văn H và anh Trần Văn Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho nguyên đơn, bị đơn theo qui định pháp luật. Bị đơn (anh Trần Văn Nh) đang chấp hành hình phạt tại Trại giam nên không thể tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải - thuộc trường hợp vụ án không tiến hành hòa giải được theo qui định tại khoản 1 Điều 205, khoản 2 Điều 206 BLTTDS. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp qui định tại khoản 1 điều 228 BLTTDS.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G và anh Trần Văn Nh kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn - như vậy là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng quan điểm sống, không còn sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc đến nhau. Vợ chồng anh chị sống ly thân đã hơn 05 năm nay, hôn nhân trên thực tế không còn tồn tại. Chị G làm đơn xin ly hôn, anh Nh đồng ý ly hôn. Xét thấy tình trạng vợ chồng là trầm trọng, tình cảm vợ chồng là thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy áp dụng điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình: chấp nhận sự thuận tình ly hôn của chị G, anh Nh là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị G và anh Nh có một con chung là cháu Trần Văn H , sinh ngày 18/10/2004. Hiện cháu H đang ở với chị G. Nguyên vọng của cháu H là muốn được ở với mẹ.

Xét về yêu cầu trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của anh chị: Hiện anh Nh đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam, không có thu nhập, không có điều kiện nuôi con. Chị G hiện có công việc và thu nhập ổn định, nguyên vọng của cháu H là muốn được ở với mẹ vì vậy yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị G là có cơ sở được chấp nhận. Vì vậy, Tòa án chấp nhận đề nghị của chị G về việc không yêu cầu anh Trần Văn Nh phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của anh Nh về việc giao cháu H cho ông bà nội chăm sóc giáo dục. Về nguyên vọng của anh Nh sau khi chấp hành xong hình phạt tù anh muốn được trực tiếp nuôi con sẽ được xem xét giải quyết trong một vụ án khác về thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu anh có yêu cầu và yêu cầu của anh là có căn cứ pháp luật.

[4] Về tài sản và vay nợ: Chị G và anh Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.:

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Áp dụng:** Khoản 1 iều 53; Điều 54; khoản 1,2 Điều 81; Điều 82; Điều 84, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 228; Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

*** Tuyên xử:**

- Về hôn nhân: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị G và anh Trần Văn Nh.

- Về con chung: Chị G và anh Nh có một con chung là cháu Trần Văn H, sinh ngày 18/10/2004. Giao cho chị Nguyễn Thị G trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Văn H. Anh Trần Văn Nh không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Hết thời gian chấp hành hình phạt tù anh Nh có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản và vay nợ:** Chị Nguyễn Thị G và anh Trần Văn Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị G đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0001577 ngày 06/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Xương. Chị G đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- **Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai vắng mặt chị Nguyễn Thị G và anh Trần Văn Nh. Chị G và anh Nh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết vắng mặt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa ;
- VKSND H Quảng Xương;
- Chi cục THADS huyện Quảng Xương;
- UBND xã Q, huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Dung

